

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Y.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú: Đường M, Phường N, thành phố X, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Căn hộ A Chung cư B đường N, Phường A, thành phố X, tỉnh Y.

**NHẬN ĐỊNH:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 22 tháng 07 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, nay ông bà đều nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N và bà L xác định có 02 con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ngọc Nam A, sinh ngày 22/12/2011. Ông bà thỏa thuận, cháu Q và cháu A ở với bà L theo nguyện vọng của con, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L thống nhất thỏa thuận: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được toàn quyền sử dụng, quản lý các tài sản chung là :

[3.1] Xe máy hiệu SH biển kiểm soát số: X, số khung: Y, số máy: Z, mang tên Nguyễn Thế N;

[3.2] Xe ô tô hiệu Toyota Cross, biển kiểm soát M, số khung: N, số máy: P, mang tên Nguyễn Thị Ngọc L.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 150.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân.

[6] Về án phí chia tài sản: Do các đương sự đã tự thỏa thuận chia tài sản chung với nhau trước khi tiến hành hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản theo điểm đ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông N và bà L xác định có 02 con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ngọc Nam A, sinh ngày 22/12/2011. Ông bà thỏa thuận, cháu Q và cháu A ở với bà L theo nguyện vọng của con, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thế N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L thông nhất thỏa thuận: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được toàn quyền sử dụng, quản lý các tài sản chung là :

+ Xe máy hiệu SH biển kiểm soát số: X, số khung: Y, số máy: Z, mang tên Nguyễn Thế N.

+ Xe ô tô hiệu Toyota Cross, biển kiểm soát M, số khung: N, số máy: P, mang tên Nguyễn Thị Ngọc L.

Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên xe ô tô và xe máy theo quy định.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp theo biên lai thu số: 0000231 và số 0000232 cùng ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông N và bà L đã nộp xong lệ phí.

3. Về án phí chia tài sản: Do các đương sự đã tự thỏa thuận chia tài sản chung với nhau trước khi tiến hành hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản theo điểm đ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND P.Thắng Tam, TP Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Đinh Thị Hồng Hà**